TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2023
"*V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Thái Linh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/TB-TLVA, ngày 08/11/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-ST, ngày 01/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Hiền L ngày: 20/11/1999. Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn**: Anh Tô Văn G ngày 26/01/1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh Hiện đang lao động tại: R (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hiền L1:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hiền L1 và anh Tô Văn G1 kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh G2 làm ăn tại RThời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, song vì xa cách không có điều kiện để chăm sóc nhau, chia sẻ và tin tưởng nên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại vun đắp nhưng do thiếu sự đồng cảm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hiện tại, chị L thấy rằng tình cảm vợ chồng không có thể hàn gắn được nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho được ly hôn với anh Tô Văn G3

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hiền L1 và anh Tô Văn G3 có 01 con chung tên là Tô Thành Đ ngày 08/8/2016. Chị Nguyễn Hiền L1 đề

nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh Tô Văn G3 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tô Văn G3 thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hiền L1.

Về quan hệ hôn nhân: anh Tô Văn G3 và chị Nguyễn Hiền L1 và kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh G2 làm ăn tại RDo khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục. Hiện nay, chị Nguyễn Hiền L1 đã làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không có tiếng nói chung nên anh G4 nhất ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hiền L1 và anh Tô Văn G3 có 01 con chung tên là Tô Thành Đ ngày 08/8/2016. Chị Nguyễn Hiền L1 đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh Tô Văn G3 phải cấp dưỡng. Cháu Tô Thành Đ1 văn bản thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do anh Tô Văn G3 đang lao động tự do tại nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc cho con nên anh thống nhất như yêu cầu của chị L2 như nguyện vọng của con.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù anh G5 thường xuyên liên lạc về gia đình, tuy nhiên anh từ chối cung cấp địa chỉ, thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình anh đã trình bày rõ các nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, cụ thể:

- Về tình cảm: chị Nguyễn Hiền L1 được ly hôn với anh Tô Văn G3.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hiền L1 và anh Tô Văn G3 có 01 con chung tên là Tô Thành Đ ngày 08/8/2016. Chị Nguyễn Hiền L1 đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh Tô Văn G3 phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Hiền L1 phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Hiền L1 đang sinh sống tại thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh . Anh Tô Văn G3 trước khi đi lao động tại Rcó đăng ký hộ khẩu tại thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, theo công văn của Cục Q Cthì anh Tô Văn G3 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do có bị đơn đi xuất khẩu lao động. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho anh Tô Văn G3(thông qua gia đình). Do anh G đang lao động tự do tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về. Tuy nhiên gia đình và anh G từ chối cung cấp địa chỉ. Anh Tô Văn G6 gửi các giấy tờ thể hiện quan điểm đối với việc ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Hiền L3 thời, Tòa án đã tiến hành mời đại diện gia đình anh là ông Tô Thế H đẻ anh G7 làm việc. Thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình anh Tô Văn G6 thống nhất các nội dung về tình cảm, con chung và tài sản chung như yêu cầu của chị Nguyễn Hiền L4 vậy, theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công Văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án tối cao, Tòa án tỉnh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định.

Đồng thời, vì lý do đang lao động tại Rumani nên anh Tô Văn G3 có yêu cầu được Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hiền L1 và anh Tô Văn G1 kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh G2 làm ăn tại RThời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, song vì xa cách không có điều kiện để chăm sóc nhau, chia sẻ và tin tưởng nên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại vun đắp nhưng do thiếu sự đồng cảm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa, do khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục nên chị Nguyễn Hiền L1 đã làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị L5 anh G không đạt được mục đích đó. Do anh G đang lao động tự do tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không có tiếng nói chung nên anh thống nhất ly hôn. Vì vậy, nguyện vọng của chị L6 chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của chị và xử cho chị được ly hôn với anh Tô Văn G3 để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giao con chung tên là Tô Thành Đ ngày 08/8/2016 cho chị Nguyễn Hiền L1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tô Văn G3 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Hiền L1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các điều 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hiền L1 được ly hôn với anh Tô Văn G3.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Tô Thành Đ ngày 08/8/2016 cho chị Nguyễn Hiền L1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh Tô Văn G3 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Hiền L1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000710 ngày 08/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Khắc Hoàng